

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		348,997,963,204	356,192,090,145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,065,539,347	102,254,312,130
1. Tiền	111		8,065,539,347	102,254,312,130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22,150,000,000	15,100,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	22,150,000,000	15,100,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		156,000,205,144	102,622,377,098
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	88,878,182,912	56,715,194,218
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	53,969,726,262	45,864,077,915
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	13,458,326,269	155,747,685
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(306,030,299)	(112,642,720)
IV. Hàng tồn kho	140		138,253,844,745	123,308,264,787
1. Hàng tồn kho	141	V.7	138,253,844,745	123,308,264,787
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,528,373,968	12,907,136,130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	24,528,373,968	12,907,136,130

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148,739,171,059	62,094,700,126
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		148,709,171,059	62,064,700,126
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80,185,946,559	44,736,339,629
<i>Nguyên giá</i>	222		240,798,222,545	183,059,716,990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(160,612,275,986)	(138,323,377,361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,843,202,857	17,286,320,497
<i>Nguyên giá</i>	228		19,317,754,212	19,317,754,212
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,474,551,355)	(2,031,433,715)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	51,680,021,643	42,040,000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30,000,000	30,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30,000,000	30,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		497,737,134,263	418,286,790,271

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		76,150,284,813	42,697,926,494
I. Nợ ngắn hạn	310		75,626,576,231	42,359,454,887
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	4,600,000,000	4,350,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.13	54,924,451,481	18,820,169,225
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	220,786,526	30,318,925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	8,482,161,349	11,446,518,791
5. Phải trả người lao động	315	V.16	5,699,874,821	6,211,129,260
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1,699,302,054	1,501,318,686
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	320		523,708,582	338,471,607
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	523,708,582	338,471,607
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		421,586,849,450	375,588,863,777
I. Vốn chủ sở hữu	410		414,010,397,925	367,098,426,829
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	140,405,800,000	139,334,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	104,020,925,000	104,020,925,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	102,404,249,703	82,455,348,520
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	12,889,415,176	8,889,415,176
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	54,290,008,046	32,398,738,133
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7,576,451,525	8,490,436,948
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.20	7,576,451,525	8,490,436,948
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		497,737,134,263	418,286,790,271

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		102,657.70	4,829.55
Euro (EUR)		8,842.74	1,665.70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008

Phùng Hữu Luận
Người lập biểu

Trang Thị Kiều Hậu
Kế toán trưởng

Lê Quang Doanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	680,230,929,501	503,620,755,901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	231,090,545	195,559,814
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	679,999,838,956	503,425,196,087
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	538,023,162,526	374,679,015,309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141,976,676,430	128,746,180,778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,121,286,625	1,471,644,847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	509,924,145	858,419,449
Trong đó: chi phí lãi vay	23		298,149,452	851,956,780
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19,644,517,936	11,567,495,572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19,527,530,542	19,479,434,477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110,415,990,432	98,312,476,127
11. Thu nhập khác	31	VI.7	893,438,535	465,621,908
12. Chi phí khác	32	VI.8	37,635,965	1,096,659
13. Lợi nhuận khác	40		855,802,570	464,525,249
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111,271,793,002	98,777,001,376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	15,261,941,906	15,705,798,612
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		96,009,851,096	83,071,202,764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	6,838	6,812

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008

Phùng Hữu Luận
Người lập biểu

Trang Thị Kiều Hậu
Kế toán trưởng

Lê Quang Doanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		111,271,793,002	98,777,001,376
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.9,10	23,286,437,097	23,278,311,680
- Các khoản dự phòng	03		193,387,579	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2,268,048,751)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(421,995,956)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	298,149,452	851,956,780
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		132,359,722,423	122,907,269,836
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72,333,668,340)	(50,183,647,076)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14,945,579,958)	(19,997,007,382)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39,557,309,335	(38,513,979,658)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	1,654,736,854
- Tiền lãi vay đã trả	13		(298,149,452)	(851,956,780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(20,285,564,371)	(4,910,030,471)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24,386,577	5,231,476,220
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8,128,872,000)	(4,898,331,967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55,949,584,214	10,438,529,576
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(101,905,121,696)	(2,110,531,761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		449,363,636	32,463,537
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7,050,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(108,505,758,060)	(17,078,068,224)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	128,352,280,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	27,577,765,000	5,850,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(27,327,765,000)	(19,479,603,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(41,907,380,000)	(22,191,378,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41,657,380,000)	92,531,299,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(94,213,553,846)	85,891,760,352
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	102,254,312,130	16,362,551,778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24,781,063	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8,065,539,347	102,254,312,130
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2008

Phùng Hữu Luận
Người lập biểu

Trang Thị Kiều Hậu
Kế toán trưởng

Lê Quang Doanh
Tổng Giám đốc